

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/KDTM-ST

Ngày: 24/4/2025

*V/v: Tranh chấp HĐ mua bán
hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh C

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn S

- Bà Lê Thị H

- Thư ký phiên tòa: Ông Doãn Khắc Huy H - Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B không tham gia phiên tòa

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm, công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số **47/2024/TLST-KDTM** ngày 21/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng Mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-KDTM ngày 21/2/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST – KDTM ngày 14/3/2025; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa ngày 28/3/2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Công ty TNHH LCT (gọi tắt là công ty LCT);**

Địa chỉ trụ sở chính: a BL, phường b, quận BT, thành phố HCM.

Địa chỉ văn phòng Hà Nội: c AT 1, AK, HĐ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hà Lê Thùy Q – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Chu Thị D

Có mặt

***Bị đơn: Công ty CP Đầu tư và Xây dựng A (gọi tắt là công ty A);**

Địa chỉ: Tầng d, Tháp e, tòa LT N04B, NGĐ, phường XT, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung H – Tổng Giám đốc

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 10 tháng 10 năm 2024, Công ty TNHH LCT (gọi tắt là công ty LCT) nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận B về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, đối với bị đơn là Công ty CP Đầu tư và Xây dựng A

(Gọi tắt là công ty A) ,trụ sở tại địa chỉ: Tầng d, Tháp e, tòa LT N04B, NGD, phường XT, quận B, thành phố Hà Nội.

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/10/2023, Công ty TNHH LCT có ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa số 1010/2023/HĐKT/V7/A-LCT với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng A về việc cung cấp lưới Gangform:

Hợp đồng trên là hợp đồng kinh tế giữa hai bên, làm cơ sở cho tất cả các đơn đặt hàng cung cấp hàng hóa của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng A (gọi tắt là công ty A) đối với Công ty TNHH LCT (gọi tắt công ty LCT) kể từ sau ngày ký hợp đồng.

Từ sau thời điểm ký kết hợp đồng đến tháng 11/2023 bên công ty A vẫn lấy hàng và thanh toán các đơn hàng bình thường (tuy có chậm nhưng vẫn thanh toán), tuy nhiên từ tháng 02/2024 đến nay, tổng giá trị hàng hóa công ty LCT đã cấp công ty A là: 85.381.705 đồng (đã bao gồm thuế VAT) nhưng Công ty A không thanh toán tiền hàng cho công ty LCT.

Theo Điều 5 (phương thức thanh toán) của Hợp đồng, công ty A phải thanh toán cho công ty LCT 100% tổng giá trị hàng hóa trong vòng 20-25 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hàng hóa theo từng đơn đặt hàng và nộp hồ sơ thanh toán (ngày xuất hóa đơn) nhưng thực tế công ty LCT đã rất nhiều lần liên hệ qua điện thoại, gửi email, sang gặp trực tiếp để yêu cầu công ty A thanh toán dứt điểm các khoản công nợ cho công ty LCT nhưng phía công ty A đến nay vẫn không thanh toán cho công ty LCT (mặc dù nhiều lần trao đổi cũng có hứa hẹn sẽ thanh toán dần).

Đến hiện tại thì bên công ty LCT không nhận được sự phản hồi lại từ công ty A cũng như không liên hệ được với những người phụ trách (nhắn tin, gọi điện, gửi email đều không phản hồi).

Điều này đi ngược lại những cam kết của Hợp đồng, thỏa thuận giữa hai bên, đi ngược lại tinh thần chung của xã hội là hợp tác cùng phát triển, đẩy doanh nghiệp LCT vào tình trạng khó khăn về tài chính do không thu hồi được vốn để duy trì bộ máy, ảnh hưởng đến công việc làm ăn của hàng chục lao động.

Nay, công ty LCT đề nghị Tòa án nhân dân quận B: Buộc công ty A phải thanh toán toàn bộ số công nợ cho công ty LCT với số tiền tạm tính đến ngày 29/10/2024 là: **91.578.844** đồng (*Chín mươi một triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng*). Trong đó :

- Tổng giá trị đơn hàng chưa thanh toán: **85.381.705** (*Tám mươi lăm triệu ba trăm tám một ngàn bảy trăm linh năm*)đồng;
- Số tiền lãi chậm thanh toán: **6.197.139** (*Sáu triệu một trăm chín mươi bảy ngàn một trăm ba mươi chín*) đồng

***Bị đơn :** Không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn :*

Ngày 06/11/2024, công ty A đã thanh toán thêm cho Công ty LCT **30.000.000** (*Ba mươi triệu*) đồng nên Công ty LCT đề nghị Tòa án buộc công ty

A thanh toán một lần và đầy đủ số tiền tạm tính đến ngày 24/4/2025 là : **63.802.177 đồng** (*Sáu mươi ba triệu tám trăm linh hai nghìn một trăm bảy bảy đồng*). Trong đó:

+ Tổng giá trị đơn hàng chưa thanh toán: **55.381.705** (*Năm mươi lăm triệu ba trăm tám mươi ngàn bảy trăm linh năm*) đồng, gồm 02 hóa đơn số 00000978 ngày 08/11/2023 và số 00001063 ngày 29/11/2023.

+ Số tiền lãi chậm thanh toán: **8.420.472 đồng** (*Sáu triệu bốn trăm hai mươi ngàn bốn trăm bảy mươi hai*) đồng

- *Bị đơn* : Quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần Tòa án triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt không rõ lý do ; không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, từ chối các quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của mình nên Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty TNHH LCT (Gọi tắt là công ty LCT) là pháp nhân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 00309542696, đăng ký lần đầu ngày 02/3/2010, tham gia giao dịch với mục đích kinh doanh có lợi nhuận.

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng A (Gọi tắt là công ty A) có trụ sở tại địa chỉ: Tầng d, Tháp e, tòa LT N04B, NGĐ, phường XT, quận B, thành phố Hà Nội (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108801848, đăng ký lần đầu ngày 26/6/2019 của Sở Kế hoạch & Đầu tư TP Hà Nội) tham gia giao dịch với mục đích kinh doanh có lợi nhuận.

Do đó, TAND Quận B thụ lý yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH LCT đối với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng A về “Hợp đồng kinh tế” là đúng quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 - BLTTDS là đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo lãnh thổ và loại việc.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH LCT đối với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng A theo điều 24, điều 50; điều 55 – Luật Thương mại

[3]. Về nội dung:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán số tiền là giá trị đơn hàng chưa thanh toán:

Ngày 10/10/2023, Công ty TNHH LCT có ký Hợp đồng kinh tế số 1010/2023/HĐKT/V7/A-LCT với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng A .

Theo đó, công ty LCT nhận cung cấp hàng hóa là lưới Gangform cho công ty A.

Theo Hợp đồng kinh tế số 1010/2023/HĐKT/V7/A-LCT ngày 10/10/2023 thì giá trị Hợp đồng tạm tính như sau:

STT	Tên hàng	Mô Tả Chi Tiết	SL	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
1	Thành phần lưới bao che HDPE	Thành phẩm lưới bao che HDPE blue 100g may viền gấp có lót bạt trợ lực bấm khuy, 50cm/khuy. Kích thước theo file đính kèm	2813,16	m ²	20.000	56.263.200
2	Thành phẩm Lưới PVC	Thành phẩm Lưới PVC blue 1000D và Lưới PVC White 1000D có Inlogo. May gấp viền có lót bạt trợ lực bấm khuy khoảng cách giữa các khuy ~50cm. Kích thước theo file đính kèm	292,77	m ²	154,300	45.174.411
TỔNG CỘNG						101.437.611
THUẾ VAT 8%						8.115.009
TỔNG THÀNH VIÊN						109.552.620

Trong nhiều lần mua bán hàng hóa, hai bên đều giao hàng và thanh toán tiền đúng thời hạn, không có bất kỳ tranh chấp nào.

Khi giao kết các giao dịch mua bán hàng hóa, các bên tham gia đều có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, không có dấu hiệu lừa dối, cưỡng ép ... nên các giao dịch mua bán hàng hóa bằng miệng giữa các bên đều đã có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa nói trên, Công ty TNHH LCT đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, công ty LCT cũng đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với hàng hóa đã mà công ty A đã nhận.

Từ khi ký kết hợp đồng đến tháng 11/2023 công ty A vẫn nhập hàng và thanh toán các đơn hàng đầy đủ, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/10/2024 giữa các bên thì công ty A còn nợ Công ty LCT là **85.381.705** (*Tám mươi lăm triệu ba trăm tám một ngàn bảy trăm linh năm*) đồng.

Ngày 06/11/2024, công ty A đã thanh toán cho Công ty LCT **30.000.000** (*Ba mươi triệu*) đồng .

Số nợ còn lại là **55.381.705** (*Năm mươi lăm triệu ba trăm tám một ngàn bảy trăm linh năm*) đồng.

Xét, tại Điều 5 của Hợp đồng thì : Công ty A phải thanh toán cho công ty LCT 100% tổng giá trị hàng hóa trong vòng 20-25 ngày kể từ ngày bên A (Công ty A) nhận được đầy đủ hàng hóa theo từng đơn đặt hàng ... tuy nhiên đến nay đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty A chưa thanh toán số nợ trên nên Công ty LCT yêu cầu A phải thanh toán khoản tiền **55.381.705** (*Năm mươi lăm triệu ba trăm tám một ngàn bảy trăm linh năm*) đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi :

Tại điều 6 - Hợp đồng kinh tế 1010/2023/HĐKT/V7/A-LCT ngày 10/10/2023 có quy định “ Nếu đến hạn thanh toán mà bên A (Công ty A) chưa thanh toán đủ số tiền của đợt thanh toán thì bên A sẽ chịu phạt với tỷ lệ 0,5%/ngày trên tổng giá trị đơn hàng chậm trả”

Tại Điều 306 – Luật Thương mại quy định “ Trường hợp bên vi phạm chậm thanh toán tiền hàng...thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả...”, do đó Công ty LCT yêu cầu A phải thanh toán tiền lãi đối với khoản tiền chưa thanh toán là 8%/năm là phù hợp, cần chấp nhận.

Xét, Công ty LCT yêu cầu A phải thanh toán tiền lãi 08%/năm, là phù hợp, cần chấp nhận.

Cụ thể số tiền lãi Công ty A phải thanh toán cho Công ty LCT như sau:

+ Đối với hóa đơn số 00000978 ngày 08/11/2023, số tiền chậm thanh toán là 67.561.705 đồng, tính đến ngày 06/11/2024 chậm thanh toán là 339 ngày, lãi phải trả là : **5.089.648** (Năm triệu không trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm bốn mươi tám) đồng.

+ Đối với hóa đơn số 00000978 ngày 08/11/2023, ngày 06/11/2024 công ty A thanh toán số tiền 30.000.000 đồng, số tiền chậm thanh toán còn lại là 37.561.705 đồng, tính đến ngày 24/4/2025 chậm thanh toán là 168 ngày, lãi phải trả là : **1.402.304** (Một triệu bốn trăm linh hai ngàn ba trăm linh tư) đồng.

+ Đối với hóa đơn số 00001063 ngày 29/11/2023, số tiền chậm thanh toán là 17.820.000 đồng, tính đến ngày 24/4/2025 chậm thanh toán là 487 ngày, lãi phải trả là : **1.928.520** (Một triệu chín trăm hai mươi tám ngàn năm trăm hai mươi) đồng.

Tổng số tiền lãi Công ty A phải thanh toán cho Công ty LCT là **8.420.472 đồng** (Sáu triệu bốn trăm hai mươi ngàn bốn trăm bảy mươi hai) đồng

[4.3] Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để HĐXX khẳng định: Tổng số tiền Công ty A phải thanh toán cho Công ty LCT là:

55.381.705 đồng + 8.420.472 = 63.802.177 đồng

(Sáu mươi ba triệu tám trăm linh hai ngàn một trăm bảy bảy đồng).

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 24, Điều 50; Điều 55; Điều 360 – Luật Thương mại
- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh về án phí lệ phí tòa án.
- Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH LCT đối với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng A.

2. Buộc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng A phải thanh toán cho Công ty TNHH LCT số tiền mua hàng hóa còn thiếu là **63.802.177 đồng** (Sáu mươi ba

triệu tám trăm linh hai nghìn một trăm bảy bảy đồng). Trong đó:

+ Tổng giá trị đơn hàng chưa thanh toán: **55.381.705** (*Năm mươi lăm triệu ba trăm tám mươi ngàn bảy trăm linh năm*)đồng.

+ Số tiền lãi chậm thanh toán: **8.420.472 đồng** (*Sáu triệu bốn trăm hai mươi ngàn bốn trăm bảy mươi hai*) đồng

3. Về án phí:

- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng A phải chịu số tiền là: **3.190.109** (*Ba triệu một trăm chín mươi ngàn một trăm linh chín*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH LCT số tiền 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 75400 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai, sơ thẩm. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH LCT, nếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng A không thi hành khoản tiền nêu trên thì Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng A phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả đối với khoản tiền chưa thanh toán.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Hà Nội;
- VKSND quận B;
- Chi cục thi hành án quận B;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Quỳnh C

